**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

**ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 62/2015/NĐ-CP**

Để phục vụ việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự, ngày 26/4/2019, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 1459/BTP-TCTHADS gửi lấy ý kiến 157 Bộ, Ngành Trung ương và địa phương có liên quan để góp ý đối với Dự thảo Nghị định, Dự thảo Tờ trình và các tài liệu khác có liên quan. Tính đến nay, Bộ Tư pháp đã nhận được ý kiến góp ý của của đã nhận được ý kiến góp ý của 118 cơ quan, đơn vị, trong đó có: 26 Bộ, ngành ở Trung ương; 63 Cục THADS, 21 UBND.

Trong đó, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc, Cục THADS tỉnh Bạc Liêu; UBND tỉnh Ninh Thuận; UBND tỉnh Kiên Giang; Cục Trợ giúp pháp lý nhất trí hoàn toàn với nội dung các Dự thảo. Các Bộ, Ngành, cơ quan khác đều cơ bản nhất trí với các Dự thảo, ngoài việc góp ý một số yếu tố về mặt kỹ thuật, các cơ quan có một số góp ý cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG** | **NỘI DUNG GÓP Ý** | **CƠ QUAN GÓP Ý** | **TIẾP THU** | **GIẢI TRÌNH** |
|  | **Điều 4. Thời hiệu yêu cầu thi hành án** |  |  |  |  |
|  | 3. Sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thuộc một trong các trường hợp sau đây:  a) Sự kiện bất khả kháng là trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, địch họa;  b) Trở ngại khách quan là trường hợp đương sự không nhận được bản án, quyết định mà không phải do lỗi của họ; đương sự đi công tác ở vùng biên giới, hải đảo mà không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn; tai nạn, ốm nặng đến mức mất khả năng nhận thức hoặc đương sự chết mà chưa xác định được người thừa kế; tổ chức hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, cổ phần hóa mà chưa xác định được tổ chức, cá nhân mới có quyền ….. | +Đề nghị bổ sung điểm b khoản 3 Điều 4: “Trở ngại khách quan là trường hợp...tổ chức hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, cổ phần hóa, *chuyển giao bắt buộc, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp* mà chưa xác định được tổ chức, cá nhân mới có quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật...  Lý do: ngoài các trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp, Luật TCTD quy định việc chuyển giao bắt buộc, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp để thực hiện cơ cấu lại TCTD. Do đó, cần bổ sung vào Dự thảo. | Ngân hàng nhà nước Việt Nam | Tiếp thu ý kiến này, Ban soạn thảo đã bổ sung nội dung này vào điểm b khoản 3 Điều 4 của Nghị định. |  |
|  | **Điều 5. Thỏa thuận thi hành án** |  |  |  |  |
|  | 2. Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định thi hành án, đương sự vẫn có quyền tự thỏa thuận *để* *thi hành án*. Thỏa thuận phải thể hiện rõ thời gian, địa điểm, nội dung thỏa thuận, thời hạn thực hiện thỏa thuận, hậu quả pháp lý đối với việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nội dung đã thỏa thuận, có chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia. *Nội dung thỏa thuận không được vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội, không đúng với thực tế, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba hoặc nhằm trốn tránh phí thi hành án.* | + Đề nghị sửa cụm “vi phạm điều cấm của pháp luật” ở khoản 2, khoản 4 sửa thành “***vi phạm điều cấm của luật***” để phù hợp với khoản 2 Điều 14 Hiến pháp, khoản 2 Điều 3 BLDS | Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Đ/c Đinh Trung Tụng | Ban soạn thảo đã tiếp thu và chỉnh lý vào Dự thảo Nghị định. |  |
| *Đề nghị bổ sung quy định văn bản thỏa thuận thi hành án phải có xác nhận của cơ quan thi hành án hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nhằm đảm bảo giá trị pháp lý của văn bản thỏa thuận.* | *Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia và 04 Cục THADS[[1]](#footnote-1)* |  | Ban soạn thảo thấy rằng: Theo quy định hiện hành, đương sự có quyền yêu cầu cơ quan THADS chứng kiến thỏa thuận. Do đó, nếu đương sự thấy cần thiết (để chứng minh mình đã thi hành xong nghĩa vụ thi hành án…) thì có quyền yêu cầu cơ quan THADS chứng kiến. Đồng thời, khi đương sự nộp biên bản thỏa thuận, thông thường các Chấp hành viên đều phải tiến hành làm việc với những người đã có thỏa thuận để xác thực về nội dung liên quan đến thỏa thuận; do đó, không cần thiết phải có quy định này, việc quy định “bắt buộc” phải có xác nhận sẽ làm phát sinh thêm thủ tục hành chính cho người dân. |
| + Sửa đổi, bổ sung đoạn 1 khoản 2 như sau: “2. Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định thi hành án, đương sự vẫn có quyền tự thỏa thuận để thi hành án. Thỏa thuận phải ***lập bằng văn bản*** thể hiện rõ thời gian, địa điểm, nội dung ... hoặc điểm chỉ của các bên tham gia, | Viện kiểm sát nhân dân tối cao, TP HCM | Ban soạn thảo thấy rằng: thỏa thuận về thi hành án có ý nghĩa rất quan trọng, ảnh hưởng lớn đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự nên việc thỏa thuận bằng văn bản là cần thiết. Do đó, tiếp thu ý kiến trên, Ban soạn thảo đã chỉnh lý vào Dự thảo Nghị định. |  |
|  | *Trường hợp đương sự thỏa thuận về việc không yêu cầu cơ quan thi hành án tiếp tục thi hành một phần hoặc toàn bộ quyết định thi hành án nhưng không yêu cầu đình chỉ thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự căn cứ điểm c khoản 1 Điều 37 Luật thi hành án dân sự để ra quyết định thu hồi một phần hoặc toàn bộ quyết định thi hành án. Sau khi thu hồi quyết định thi hành án,* các bên không thực hiện theo đúng nội dung thỏa thuận thì cơ quan thi hành án dân sự căn cứ kết quả đã thi hành theo thỏa thuận, đề nghị của đương sự *để* xử lý như sau:  *a) Trường hợp đã thu hồi một phần quyết định thi hành án thì cơ quan thi hành án ra quyết định tiếp tục thi hành án đối với các nội dung chưa được thi hành;*  *b) Trường hợp đã thu hồi toàn bộ quyết định thi hành án thì cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án đối với các nội dung chưa được thi hành.* | **Không nhất trí với quy định:** Đối với nội dung của Dự thảo Nghị định về việc cơ quan THADS ra quyết định thu hồi một phần hoặc toàn bộ quyết định thi hành án trong trường hợp *đương sự thỏa thuận về việc không yêu cầu cơ quan thi hành án tiếp tục thi hành một phần hoặc toàn bộ quyết định thi hành án nhưng không yêu cầu đình chỉ thi hành án.*  Lý do: ***(i)*** Theo quy định thì khi đương sự thỏa thuận bằng văn bản đã là căn cứ để đình chỉ hoặc thỏa thuận không yêu cầu thi hành án nhưng không yêu cầu đình chỉ thì phải hoãn thi hành án theo quy định tại Điều 48. Nếu ra quyết định thu hồi thì sẽ không phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37 Luật; ***(ii)*** gây áp lực, tốn kém nhiều thời gian, kinh phí, thủ tục hành chính phức tạp; thực hiện nguyên tắc kê biên tương ứng đối với các trường hợp đã kê biên như thế nào; ***(iii)*** đương sự sẽ lợi dụng quy định này để thỏa thuận nhiều lần, nhiều nội dung; ***(iv)*** số thụ lý thi hành án hàng năm sẽ tăng lên rất nhiều; ***(v)*** không có căn cứ pháp lý để kết thúc thi hành án theo quy định tại Điều 52 Luật. | *Học viện tư pháp, Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Tư pháp, Vụ Giải quyết khiếu nại, tố cáo và 17 Cục THADS[[2]](#footnote-2)* | Tiếp thu ý kiến trên, Ban soạn thảo đã bỏ nội dung trên ra khỏi Dự thảo. Do đã bỏ nội dung trên nên cần giữ nguyên quy định về việc ra quyết định đình chỉ thi hành án tại khoản 3 Điều 5, cụ thể: Trường hợp đương sự thỏa thuận không yêu cầu cơ quan THADS tiếp tục thi hành án sẽ ra quyết định đình chỉ thi hành án. Cơ quan THADS chỉ được làm những gì pháp luật cho phép nên Chấp hành viên thực hiện việc giải thích khi đương sự thỏa thuận cần phải xác định rõ “yêu cầu đình chỉ thi hành án” hoặc “hoãn thi hành án” để ra quyết định cho phù hợp. |  |
|  | *3. Trường hợp Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định đình chỉ thi hành án một phần hoặc toàn bộ quyết định thi hành án theo yêu cầu bằng văn bản của người được thi hành án hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản của đương sự thì đương sự không có quyền yêu cầu thi hành án trở lại.*  *Trường hợp đương sự thỏa thuận đình chỉ thi hành án* sau khi tài sản đã được bán hoặc giao cho người khác nhận để thi hành án thì phải được sự đồng ý của người mua được tài sản hoặc người nhận tài sản để thi hành án. |  |  |  |  |
|  | 4. Khi đương sự có yêu cầu, Chấp hành viên có trách nhiệm chứng kiến và ký tên vào văn bản thỏa thuận trong trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 của Điều này. Trường hợp thỏa thuận vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội, không đúng với thực tế, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba hoặc nhằm trốn tránh phí thi hành án thì *Chấp hành viên từ chối* nhưng phải lập biên bản và nêu rõ lý do.  Người yêu cầu Chấp hành viên chứng kiến việc thỏa thuận ngoài trụ sở cơ quan thi hành án dân sự mà phát sinh chi phí thì phải thanh toán các chi phí hợp lý cho cơ quan thi hành án dân sự. *Mức chi phí được thực hiện theo thỏa thuận; trường hợp không thỏa thuận được thì áp dụng theo mức chế độ công tác phí do Nhà nước quy định”.* | **+ Đề nghị chỉ quy định mức chi phí theo chế độ công tác phí và không cho thỏa thuận. Cụ thể:** Quy định “mức chi phí được thực hiên theo thỏa thuận” không giải quyết được vướng mắc mà còn phát sinh tiêu cực hơn do CHV lạm quyền, thỏa thuận mức chi phí quá lớn. Đề nghị cân nhắc, đảm bảo chi phí phù hợp theo chế độ công tác phí quy định. | Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam; Cục đăng ký quốc gia GDBĐ, Vụ TCCB, Trà Vinh, Bắc Giang, Hà Nam; Tây Ninh  Lạng Sơn, UBND tỉnh Trà Vinh |  | Ban soạn thảo thấy rằng việc quy định người yêu cầu phải chịu các chi phí khi CHV chứng kiến thỏa thuận ngoài trụ sở là không phù hợp. Trong khi đó, nếu để đương sự tự do yêu cầu chứng kiến ngoài trụ sở thì có thể phát sinh nhiều chi phí từ ngân sách nhà nước. Do đó, Dự thảo quy định việc chứng kiến thỏa thuận phải được thực hiện tại trụ sở cơ quan THADS. |
|  | **Điều 6. Chủ động ra quyết định thi hành án**  1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra chung một quyết định thi hành án đối với các khoản thuộc diện chủ động thi hành trong một bản án, quyết định, trừ các trường hợp sau đây: |  |  |  |  |
|  | a) *Trường hợp có* khoản trả lại tiền, tài sản thì ra *riêng* một quyết định thi hành án *đối với người được thi hành khoản đó*; |  |  |  |  |
|  | b) *Trường hợp có người phải thi hành nhiều khoản* khác nhau thì *ra riêng* *một quyết định thi hành án đối với người phải thi hành các khoản đó.* | + Đề nghị sửa Điểm b khoản 1 là: “*Trường hợp có* ***nhiều*** *người phải thi hành nhiều khoản khác nhau thì ra riêng một quyết định thi hành án đối với* ***mỗi*** *người phải thi hành các khoản đó”.* | Thái Bình | Ban soạn thảo thấy rằng kiến nghị trên là phù hợp nên đã tiếp thu, thể hiện vào Dự thảo. |  |
|  | *c) Trong một bản án, quyết định mà một người vừa có quyền, vừa có nghĩa vụ thì ra một quyết định thi hành án đối với người đó.”* | Đề nghị chỉnh lý kỹ thuật: *Trường hợp một người vừa có quyền, vừa có nghĩa vụ thì ra một quyết định thi hành án đối với người đó.* | ***Tòa án nhân dân tối cao*** | Ban soạn thảo thấy rằng kiến nghị trên là phù hợp nên đã tiếp thu, thể hiện vào Dự thảo. |  |
|  |  | Đề nghị cân nhắc lại nội dung tại điểm c bởi lẽ: Nếu tách bạch quyền và nghĩa vụ của người phải thi hành án có thể hiểu trường hợp điểm c không thuộc phạm vi áp dụng được quy định tại khoản 1 Điều 6[[3]](#footnote-3) hoặc quyền của đương sự đã quy định tại điểm a là ra riêng một quyết định thi hành án thì không thể áp dụng cả điểm c là ra chung một quyết định cho cả quyền và nghĩa vụ của đương sự. | Bộ Công thương, Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, 04 Cục THADS[[4]](#footnote-4) |  | Ban soạn thảo thấy rằng, việc quy định trường hợp người phải thi hành án vừa có quyền vừa có nghĩa vụ tại điểm c nhằm mục đích bao quát đối với trường hợp có cả 2 dữ liệu; đối với trường hợp có 1 dữ liệu người phải thi hành án có quyền thì áp dụng điểm a để tạo sự thuận lợi cho Chấp hành viên khi áp dụng. |
|  |  | Đề nghị hạn chế “văn nói” trong Dự thảo | Cục Quốc tịch, hộ tịch, chứng thực, Ông Nguyễn Công Khuông- Công ty TNHH Phương Thảo | Ban soạn thảo đã tiếp thu ý kiến trên và thể hiện vào Dự thảo. |  |
|  | 3. Các khoản thu khác cho Nhà nước quy định tại điểm c khoản 2 Điều 36 Luật Thi hành án dân sự thuộc diện chủ động ra quyết định thi hành án bao gồm khoản truy thu thuế; khoản viện trợ cho Nhà nước và các khoản bồi thường cho Nhà nước trong các vụ án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tham nhũng thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; *khoản tiền trả cho doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ*; các khoản thu khác nộp trực tiếp vào ngân sách nhà nước”. | - Đề nghị bỏ cụm từ “Thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng” bởi lẽ: Nghị định quy định về việc Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án đối với khoản tiền bồi thường cho Nhà nước trong các vụ án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tham nhũng thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là chưa đầy đủ; bởi vì, *đối với các vụ án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tham nhũng thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng thì cũng phải chủ động ra quyết định thi hành án* vì tài sản nào cũng là tài sản của Nhà nước.  Bên cạnh đó, quy định này gây khó khăn cho việc ra Quyết định thi hành án, vì trong các loại tội phạm phạm về kinh tế, tham nhũng có nhiều khung hình phạt khác nhau, nếu chỉ quy định một trường hợp “đặc biệt nghiêm trọng’ là chưa đủ. | Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Giang, Bình Dương, Nam Định | Ban soạn thảo đã tiếp thu ý kiến trên và thể hiện vào Dự thảo. |  |
| - Đề nghịkhông bổ sung quy định ra quyết định thi hành án chủ động đối với khoản tiền trả cho doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Bởi lẽ: Nhà nước đã giao vốn cho Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm trước nhà nước và pháp luật, nếuquy định như dự thảo cơ quan THADS phải ra quyết định thi hành án chủ động đối với “*khoản tiền trả cho doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”*sẽ tạo ra sự bất bình đẳng đối với các loại hình doanh nghiệp khác. Việc chủ động ra quyết định thi hành án chỉ áp dụng đối với các khoản thu trong các vụ án hình sự, tham nhũng[[5]](#footnote-5). | Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Lâm Đồng; Bình Định; Gia Lai; Kiên Giang; Đà Nẵng; TP Hồ Chí Minh | Tiếp thu một phần ý kiến trên, tuy nhiên vẫn đảm bảo việc thu hồi tiền cho ngân sách nhà nước, Dự thảo đã chỉnh lý theo hướng chỉ ra quyết định chủ động thi hành án đối với các khoản thu cho doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trong trường hợp đặc biệt, đó chỉ là khoản bồi thường cho doanh nghiệp đó trong các vụ án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tham nhũng. |  |
| +Đề nghị quy định mở rộng trường hợp các khoản thu khác thuộc diện chủ động bao gồm: “khoản tiền trả cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước (trên 50% vốn điều lệ) vì quyền, lợi ích của Nhà nước trong các doanh nghiệp này cũng chiếm phần lớn | Bộ Công an, Vụ TCCB |  | Ban soạn thảo thấy rằng: Về nguyên tắc, đối với các khoản thu cho các doanh nghiệp thuộc trường hợp ra quyết định thi hành án theo yêu cầu để đảm bảo tính bình đẳng giữa các chủ thể. Tuy nhiên, trong trường hợp đặc biệt, để phục vụ việc thu hồi tiền cho nhà nước trong các vụ án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tham nhũng nên Nghị định mới “mở rộng” quy định đối với khoản thu cho các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thì cơ quan THADS phải chủ động ra quyết định thi hành án. Hơn nữa, việc chủ động ra quyết định thi hành án sẽ không tính phí thi hành án. Do đó, nếu mở rộng các khoản thu cho doanh nghiệp mà nhà nước chỉ nắm giữ tỷ lệ nhất định sẽ làm thất thu khoản phí thi hành án; tạo ra sự phân biệt đối xử quá lớn giữa các doanh nghiệp; mất tính chủ động của doanh nghiệp và giảm ý nghĩa của quy định tại khoản 3 Điều 3[[6]](#footnote-6) Nghị định 62 về trách nhiệm của cơ quan chủ quản. |
|  | **Điều 7. Ra quyết định thi hành án theo yêu cầu**  **“Phương án 1:**  1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra một quyết định thi hành án cho mỗi yêu cầu thi hành án. Trường hợp trong bản án, quyết định có một người phải thi hành án cho nhiều người được thi hành án và các đương sự yêu cầu thi hành án vào cùng thời điểm thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra một quyết định thi hành án chung cho nhiều yêu cầu.  Trường hợp nhiều người được nhận một tài sản cụ thể hoặc nhận chung một khoản tiền theo bản án, quyết định, nhưng chỉ có một hoặc một số người có yêu cầu thi hành án thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra *một* quyết định thi hành án đối với những người đã có yêu cầu *và thực hiện việc giao tài sản, thanh toán tiền cho họ theo quy định.*Quyền và lợi ích hợp pháp của những người được thi hành án khác *theo bản án, quyết định đối với khoản tiền, tài sản đó* được giải quyết theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật *về dân sự*. | **-Nhất trí phương án 1**  Việc quy định theo phương án này giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiết giảm các thủ tục không cần thiết trong việc ban hành quyết định thi hành án, đồng thời đảm bảo sự chủ động, linh hoạt của cơ quan thi hành án trong quá trình tổ chức thi hành án đối với quyết định, bản án đã có hiệu lực pháp luật. (Bộ Công thương) | **27 cơ quan nhất trí với phương án 1 (03 Bộ, 23 Cục THADS và 01UBND)[[7]](#footnote-7)** | ***Sau khi nghiên cứu và tiếp thu các ý kiến góp ý, thấy rằng:*** TạiĐiều 289 Bộ luật dân sự về thực hiện nghĩa vụ đối với nhiều người có quyền liên đới quy định: “Nghĩa vụ đối với nhiều người có quyền liên đới là nghĩa vụ mà theo đó *mỗi người trong số những người có quyền đều có thể yêu cầu bên có nghĩa vụ thực hiện toàn bộ nghĩa vụ*. Bên có nghĩa vụ có thể thực hiện nghĩa vụ của mình đối với bất cứ ai trong số những người có quyền liên đới[[8]](#footnote-8). Như vậy, trong trường hợp này, mỗi người trong số những người liên đới cùng được nhận một khoản tiền, tài sản sẽ có quyền yêu cầu cơ quan THADS tổ chức thi hành án; cơ quan THADS tổ chức thi hành và trả lại tiền, tài sản cho bất cứ ai trong số đó có yêu cầu thi hành án. Đồng thời, căn cứ Điều 11 Bộ luật Dân sự[[9]](#footnote-9) quy định về các phương thức bảo vệ quyền dân sự, Tòa án nhân dân đã giải thích về thời hiệu và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự tại bản án, quyết định. Như vậy, để bảo vệ quyền lợi của mình, đương sự phải thể hiện ý chí của mình bằng việc gửi yêu cầu thi hành bản án, quyết định của Tòa án. Trường hợp họ không yêu cầu thi hành án thì cơ quan THADS không có trách nhiệm phải thực hiện việc thông báo cho họ. Tuy nhiên, theo đa số các ý kiến góp ý, đồng thời, để tạo điều kiện cho người chưa có yêu cầu biết để thực hiện việc yêu cầu thi hành án (theo ý kiến góp ý của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao), Ban soạn thảo đề xuất lựa chọn phương án 2 (đã chỉnh lý), theo đó: Tiếp tục thực hiện việc thông báo cho đương sự để biết việc cơ quan THADS đã ra quyết định thi hành án để trình Chính phủ. Trình tự, thủ tục về thi hành án được thực hiện đối với những người đã có yêu cầu (bao gồm cả những người yêu cầu trước và sau khi ra quyết định thi hành án). | |
|  | **Phương án 2:**  1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra một quyết định thi hành án cho mỗi yêu cầu thi hành án. Trường hợp trong bản án, quyết định có một người phải thi hành án cho nhiều người được thi hành án và các đương sự yêu cầu thi hành án vào cùng thời điểm thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra một quyết định thi hành án chung cho nhiều yêu cầu.  Trường hợp nhiều người được nhận một tài sản cụ thể hoặc nhận chung một khoản tiền theo bản án, quyết định, nhưng chỉ có một hoặc một số người có yêu cầu thi hành án thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án *theo đúng nội dung bản án, quyết định* và *thực hiện việc thông báo theo quy định. Chấp hành viên tổ chức giao tiền, tài sản cho những người đã có yêu cầu hoặc những người được thi hành án có mặt theo thông báo của Chấp hành viên.* Quyền và lợi ích hợp pháp của những người được thi hành án khác *theo bản án, quyết định đối với khoản tiền, tài sản đó* được giải quyết theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật *về dân sự*. | **-Nhất trí phương án 2:** Để đảm bảo quyền, lợi ích cho những người được thi hành án và tránh việc khiếu nại cơ quan THA.  VKSNDTC đề nghị quy định rõ việc thông báo cho những người thi hành án khác chưa có yêu cầu thi hành án. Ngoài ra, đề nghị cân nhắc bỏ quy định: “Chấp hành viên tổ chức giao tiền, tài sản cho những người đã có yêu cầu hoặc những người được thi hành án có mặt theo thông báo của Chấp hành viên” vì đây là nội dung liên quan đến việc xử lý tài sản, thanh toán tiền, không thuộc phạm vi nội dung ra quyết định thi hành án. | **54 cơ quan nhất trí phương án 2 (10 Bộ, ngành, 07 đơn vị thuộc Bộ, 32 Cục THADS, 5 UBND)[[10]](#footnote-10)** |
|  | **-Ý kiến khác:** | +Hai phương án đều loại bỏ thủ tục thông báo về đơn yêu cầu của người được thi hành án cho những người được thi hành án khác chưa có đơn yêu cầu. Vì vậy, đề nghị BTP cân nhắc giữ lại quy định yêu cầu cơ quan THADS có văn bản thông báo cho những người được thi hành án khác (theo khoản 1 Điều 7 Nghị định 62) để đảm bảo tính minh bạch trong thi hành án, đặc biệt trong trường hợp người được THA khác không định cư ở VN; đảm bảo quyền lợi ích của họ và tránh phát sinh tranh chấp, khiếu nại | **Bộ Ngoại giao** |
|  | *4.* Cơ quan thi hành án dân sự từ chối yêu cầu thi hành án theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 31 Luật thi hành án dân sự trong trường hợp *sau đây:*  *a)* Bản án, quyết định không xác định *rõ khoản phải thi hành.*  *b)* Bản án, quyết định không xác định rõ người phải thi hành án*, trừ trường hợp bản án, quyết định tuyên giao quyền sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản hoặc giao quyền nuôi dưỡng người chưa thành niên mà tại thời điểm yêu cầu thi hành án, người được thi hành án không được trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản, nuôi dưỡng người chưa thành niên.”* | +Khoản 4 Điều 7 nên giữ nguyên hiện hành vì việc sửa đổi như dự thảo gây khó khăn trong khi áp dụng, nếu bản án không xác định người có trách nhiệm phải giao thì không xác định được chủ thể có nghĩa vụ phải thi hành án. Trong TH phải áp dụng biện pháp cưỡng chế thì người bị cưỡng chế là ai và ai phải chịu chi phí cưỡng chế | 08 Cục THADS[[11]](#footnote-11) | Ban soạn thảo thấy rằng: mặc dù bản án không xác định rõ trách nhiệm “ai phải giao tài sản hoặc giao người chưa thành niên” nhưng tại thời điểm yêu cầu thi hành án, *người được thi hành án không được trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản, nuôi dưỡng người chưa thành niên* thì cơ quan THADS vẫn cần ra quyết định thi hành án. Trong trường hợp này, người bị cưỡng chế chính là người “quản lý, sử dụng tài sản hoặc nuôi dưỡng người chưa thành niên” bất hợp pháp. Ngoài ra, nếu để chữ “hoặc” sẽ dẫn đến sự tùy tiện của các cơ quan THADS trong việc từ chối yêu cầu thi hành án. Ngược lại, nếu quy định đồng thời cả hai điều kiện tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 7 thì lại dẫn đến có những việc cơ quan THADS không thể tổ chức thi hành án được với những trường hợp chỉ thỏa mãn một trong hai điều kiện trên. | |
|  | + Giữ nguyên quy định cũ, tuy nhiên thay chữ “***và”*** thành chữ “***hoặc”*** | Ninh Thuận |
|  | Đề nghị bổ sung nội dung liên quan đến yếu tố nhân thân phi tài sản về “ Yêu cầu ra quyết định thi hành án về việc thăm con” thuộc trường hợp từ chối yêu cầu thi hành án. | Quảng Trị, Cần Thơ, An Giang |  | Ban soạn thảo thấy rằng: Ngoài việc thi hành các nghĩa vụ về tài sản, cơ quan THADS còn phải thi hành các nghĩa vụ “thực hiện hoặc không thực hiện công việc”. Vì vậy, đây không phải lý do cơ quan THADS từ chối yêu cầu thi hành án trong trường hợp này. Tuy nhiên, trường hợp bản án, quyết định *tuyên quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc người chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi dưỡng* là một trong những trường hợp “không xác định rõ người phải thi hành án” nhưng cần phải được tổ chức thi hành để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên, bảo đảm bản án, quyết định của Tòa án được thi hành trên thực tế. Do đó, Ban soạn thảo đã bổ sung nội dung trên vào một trong những trường hợp được loại trừ và cần phải được tổ chức thi hành án vào điểm b khoản 4 Điều 7. |
|  |  | Đề nghị bổ sung thêm đối tượng là người mất năng lực hành vi dân sự, người không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. | Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam | Ban soạn thảo đãtiếp thu và chỉnh lý vào Dự thảo |  |
|  | **Điều 9. Xác minh điều kiện thi hành án**  "2. Trường hợp cần *xác minh làm* rõ thông tin về tài sản, nơi cư trú, nơi làm việc, trụ sở của người phải thi hành án hoặc các thông tin khác liên quan đến việc thi hành án thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thể ủy quyền xác minh cho cơ quan thi hành án dân sự nơi có thông tin.  Việc ủy quyền xác minh của cơ quan thi hành án dân sự phải thể hiện bằng văn bản, nêu rõ bên ủy quyền, bên nhận ủy quyền, nội dung ủy quyền và nội dung cần thiết khác. *Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản ủy quyền,**Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự nơi nhận ủy quyền phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã ủy quyền về việc đã nhận được ủy quyền.*  Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự nơi nhận ủy quyền phải *chịu trách nhiệm về* kết quả xác minh và những nội dung cần thiết khác *theo văn bản ủy quyền*; trả lời bằng văn bản về kết quả xác minh cho cơ quan thi hành án dân sự đã ủy quyền xác minh *trong thời hạn sau đây:*  *a)* Đối với việc xác minh tài sản là bất động sản, động sản phải đăng ký quyền sở hữu, thời hạn xác minh và gửi kết quả xác minh cho cơ quan thi hành án dân sự đã ủy quyền là 30 ngày, kể từ ngày nhận được ủy quyền. Trường hợp việc xác minh tài sản khó khăn, phức tạp thì thời hạn xác minh và gửi kết quả xác minh có thể kéo dài nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận được ủy quyền.  *b)* Đối với việc xác minh các loại tài sản và thông tin khác, thời hạn xác minh và gửi kết quả xác minh cho cơ quan thi hành án dân sự đã ủy quyền là 15 ngày, kể từ ngày nhận được ủy quyền. | Về thời hạn thông báo việc nhận được ủy quyền xác minh:  + Nên tăng thời hạn “03 ngày làm việc” thành “10 ngày làm việc, trường hợp phức tạp không quá 30 ngày” (Yên Bái)  + Nên quy định “*Ngay sau khi nhận được văn**bản ủy quyền”*thay vì thời hạn “03 ngày làm việc” để tăng trách nhiệm (Phú Thọ; UBND Phú Thọ) |  |  | Ban soạn thảo thấy rằng: thời hạn thông báo về việc nhận được ủy quyền xác minh phải cân đối giữa việc đảm bảo việc thi hành án được tiến hành liên tục, hạn chế tối đa khoảng thời gian giữa thời gian cơ quan ủy quyền gửi đi và cơ quan nhận ủy quyền thực hiện yêu cầu nhưng cũng phải đảm bảo tính khả thi khi cơ quan nhận ủy quyền vừa phải thực hiện nội dung ủy quyền, vừa thực hiện chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị. Do đó, Ban soạn thảo thấy thời hạn 03[[12]](#footnote-12) ngày làm việc là phù hợp. |
| + Đề nghị thay thế cụm từ *“*là *30 ngày…là 15 ngày…*” thành *“*không quá *30 ngày…*không quá *15 ngày…”* hoặc “trong thời hạn là 30 ngày .... trong thời hạn là 15 ngày...’ | Kiên Giang, Trà Vinh | Tiếp thu, đã chỉnh lý vào Dự thảo |  |
| + Đề nghị bỏ từ “**thể hiện**” trong đoạn 2 khoản 2 | Yên Bái | Tiếp thu, đã chỉnh lý vào Dự thảo |  |
|  | Cần nghiên cứu bổ sung quy định cần phải xác minh tình trạng pháp lý của tài sản là quyền sở hữu trí tuệ (không có tranh chấp, không trong quá trình giải quyết khiếu nại...) | Bộ Khoa học và công nghệ |  | Ban soạn thảo thấy rằng: Khoản 6 Điều 3 Luật THADS quy định: “có điều kiện thi hành án là trường hợp người phải thi hành án có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tài sản; tự mình hoặc thông qua người khác thực hiện nghĩa vụ thi hành án”. Quyền sở hữu trí tuệ là một loại tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, các quy định về xác minh điều kiện thi hành án nói chung được áp dụng cho cả tài sản là “quyền sở hữu trí tuệ” mà không cần có quy định riêng như đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ. |
| + Bỏ hẳn đoạn: “ *Trong thời hạn* ***03 ngày làm việc****, kể từ ngày nhận được văn bản ủy quyền,**Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự nơi nhận ủy quyền phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã ủy quyền về việc đã nhận được ủy quyền.”* vì trong hệ thống các cơ quan THADS trên toàn quốc đều có Email và điện thoại để liên lạc; Mặt khác quy định này làm phát sinh thủ tục, tốn kém ngân sách Nhà nước. | **Tòa án nhân dân tối cao** Thừa Thiên Huế, TP Hồ Chí Minh |  | Đây là quy định nhằm xác định rõ trách nhiệm của cơ quan THADS nơi nhận ủy quyền, tránh trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc xác minh và “thoái thác trách nhiệm” khi có vi phạm. Bên cạnh đó, việc thông báo nhận được ủy quyền là tác nghiệp chuyên môn nghiệp vụ nội bộ giữa các cơ quan THADS, không có sự tham gia của người dân, không phải là thủ tục hành chính, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. |
|  | 6.*Việc thi hành án chưa có điều kiện* quy định tại khoản 5 Điều này*được thống kê,*theo dõi *riêng. Khi có thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án thì Chấp hành viên tiến**hành xác minh và tổ chức thi hành án theo quy định tại khoản 4 Điều này.*” | Quy định này trùng với quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP, do đó, đề nghị cân nhắc sửa đổi để tránh trùng lặp, chồng chéo về nội dung. | Viện kiểm sát nhân dân tối cao |  | Ban soạn thảo thấy rằng: khoản 5 Điều 9 quy định cơ quan THADS chuyển sang sổ theo dõi riêng đối với việc THADS chưa có điều kiện thi hành, đây là quy định về hình thức, tên “Sổ theo dõi riêng”. Khoản 6 Điều 9 quy định về cách thức thống kê, theo dõi đối với những việc đã chuyển sổ theo dõi riêng. Do đó, Ban soạn thảo đề nghị giữ nguyên như Dự thảo. |
|  | **Điều 12. Thông báo về thi hành án**  "2**.***Trường hợp người được thông báo là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì việc thông báo cho họ thông qua người thân thích được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật thi hành án dân sự.*  Trường hợp đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu được nhận thông báo bằng điện tín, fax, email hoặc hình thức khác thì việc thông báo trực tiếp có thể được thực hiện theo hình thức đó nếu không gây trở ngại cho cơ quan thi hành án dân sự”. |  |  |  |  |
|  | **Điều 13. Áp dụng biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án**  "1**.**Việc áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế thi hành án phải tương ứng với nghĩa vụ của người phải thi hành án và các chi phí cần thiết, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định này. Trường hợp người phải thi hành án chỉ có một tài sản duy nhất lớn hơn nhiều lần so với nghĩa vụ phải thi hành án mà tài sản đó không thể phân chia được hoặc việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản thì Chấp hành viên vẫn có quyền áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế để thi hành án.**Chấp hành viên căn cứ vào nội dung bản án, quyết định**; quyết định thi hành án; tính chất, mức độ, nghĩa vụ thi hành án; điều kiện của người phải thi hành án; yêu cầu bằng văn bản của đương sự và tình hình thực tế của địa phương để lựa chọn việc áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án thích hợp. Chấp hành viên áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án trong trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 130 Luật Thi hành án dân sự.  *Trường hợp đương sự, người đang quản lý, sử dụng, bảo quản tài sản không thực hiện theo yêu cầu của Chấp hành viên thì tùy từng trường hợp cụ thể mà Chấp hành viên tổ chức cưỡng chế mở khóa, mở gói; buộc ra khỏi nhà, công trình xây dựng, tài sản gắn liền với đất để kiểm tra hiện trạng, thẩm định giá, bán đấu giá tài sản hoặc giao tài sản cho cá nhân, tổ chức khác bảo quản theo quy định của pháp luật.*  *Trường hợp sau khi áp dụng biện pháp cưỡng chế mà không thực hiện được việc giao bảo quản đối với tài sản là bất động sản theo quy định tại Điều 58, Điều 112 Luật thi hành án dân sự thì Chấp hành viên có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã* ***phối hợp, hỗ trợ bảo quản*** *trong thời gian chưa xử lý được tài sản.*” | Đề nghị cân nhắc bổ sung quy định nhằm đảm bảo quyền lợi của người phải thi hành án trong trường hợp người phải thi hành án chỉ có một tài sản duy nhất lớn hơn nhiều lần so với nghĩa vụ phải thi hành án mà tài sản đó không thể phân chia được hoặc việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản | Bộ khoa học và công nghệ, |  | Ban soạn thảo thấy rằng: Khoản 5 Điều 115 Luật THADS đã có quy định về việc nếu xét thấy sau khi thanh toán các khoản nghĩa vụ thi hành án mà người phải thi hành án không còn đủ tiền để thuê nhà hoặc tạo lập nơi ở mới thì Chấp hành viên trích lại từ số tiền bán tài sản một khoản tiền để người phải thu hành án thuê nhà trong thời hạn 01 năm. |
|  | Đề nghị bổ sung hướng dẫn việc thi hành các bản án, quyết định giao quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng vì không chỉ người phải thi hành án mà những người thân khác cũng gây cản trở việc thi hành án | Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Cục THADS tỉnh Khánh Hòa |  | Ban soạn thảo thấy rằng: Điều 120 Luật THADS đã quy định rõ về việc cưỡng chế giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng theo bản án, quyết định, trong đó, quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế đối với người phải thi hành án hoặc người đang trông giữ người chưa thành niên. |
|  | Đề nghị thay đổi cụm từ “không hợp tác” thành cụm từ “không thực hiện theo yêu cầu của Chấp hành viên”. | Học viện tư pháp, Nam Định | Ban soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh lý vào Dự thảo |  |
|  | **Điều 16. Thực hiện ủy thác thi hành án**  *"1. Căn cứ bản án, quyết định* ***của Tòa án****, kết quả xác minh, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ủy thác thi hành án cho cơ quan thi hành án dân sự nơi người phải thi hành án có tài sản, làm việc, cư trú hoặc có trụ sở.* | + Đề xuất bỏ từ ***Tòa án*** để thống nhất khái niệm **bản án, quyết định** quy định tại Điều 1 Luật THADS;  +Thêm từ ***hoặc*** để thống nhất hiểu rằng căn cứ để ủy thác có thể là căn cứ vào bản án, quyết định hoặc căn cứ vào kết quả xác minh: *“Căn cứ bản án, quyết định hoặc căn cứ kết quả xác minh,….”* | Hà Nội; Hòa Bình; Bình Dương; Lạng Sơn, Vụ GQKNTC | Ban soạn thảo đã tiếp thu ý kiến trên và thể hiện vào Dự thảo. |  |
|  | **Điều 17. Việc thi hành án khi có thay đổi giá tài sản tại thời điểm thi hành án** |  |  |  |  |
|  | "1. Chấp hành viên tổ chức định giátài sản để thực hiện việc thi hành án khi có thay đổi giá tài sản tại thời điểm thi hành án theo quy định tại Điều 59 Luật thi hành án dân sự *khi có đủ các điều kiện sau đây:* |  |  |  |  |
|  | *a) Người phải thi hành án không tự nguyện giao tài sản, thanh toán giá trị tài sản theo bản án, quyết định;*  *b)*Có ít nhất một trong các đương sự có đơn yêu cầu định giá tài sản *và đã nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản;*  *c)* Tại thời điểm thi hành án, giá tài sản thay đổi tăng hoặc giảm từ 20% trở lên so với giá trị tài sản khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.” | Bổ sung điều kiện để Chấp hành viên tổ chức định giá tài sản khi có thay đổi giá trị tài sản tại thời điểm thi hành án là: “*người phải thi hành án không tự nguyện giao tài sản, thanh toán giá trị tài sản theo bản án, quyết định*”. VKSND tối cao nhận thấy, điều kiện “*người phải thi hành án không tự nguyện giao tài sản”* là không phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Thi hành án dân sự vì Điều 59 quy định trường hợp theo bản án, quyết định mà một bên được nhận tài sản phải thi hành án cho người khác giá trị tài sản họ được nhận; do đó, đề nghị bỏ nội dung này trong dự thảo Nghị định. | Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Học viện tư pháp |  | Trong trường hợp thi hành án theo Điều 59 Luật THADS là trường hợp “một bên được nhận tài sản và phải thanh toán cho người khác giá trị tài sản mà họ được nhận” thì một bên vừa là người phải thi hành án (thanh toán tiền), vừa là người được thi hành án (nhận tài sản) và ngược lại, bên còn lại vừa là người được thi hành án (nhận tiền), vừa là người phải thi hành án (giao tài sản). Do đó, chỉ cần một người không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ của mình thì đã đáp ứng điều kiện trên. Mặt khác, quy định như Dự thảo đề ra nhằm mục đích đề cao và khuyến khích các đương sự kịp thời thi hành án. |
| **+**Cần bổ sung từ “hoặc” vào Dự thảo sửa đổi điểm a khoản 1 “*a) Người phải thi hành án không tự nguyện giao tài sản* ***hoặc******không tự nguyện*** *thanh toán giá trị tài sản theo bản án, quyết định”.* Quy định như dự thảo thì dễ tạo ra cách hiểu chỉ khi người phải thi hành án không tự nguyện giao tài sản và không tự nguyện thanh toán tiền thi hành án thì mới thỏa mãn điều kiện áp dụng quy định này hoặc khi bên A không giao tài sản cho bên B và Bên B cũng không giao tài sản cho bên A thì mới thỏa mãn điều kiện áp dụng | *Bình Phước* | Ban soạn thảo thấy rằng ý kiến của Cục THADS tỉnh Bình Phước là phù hợp, vì chỉ cần một trong các bên không tự nguyện thi hành án và một trong các bên có đơn yêu cầu định giá tài sản là đủ điều kiện áp dụng quy định tại Điều 59 Luật THADS. |  |
|  | **Điều 24. Kê biên tài sản để thi hành án** |  |  |  |  |
|  | *"*1.Trường hợp tài sản đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp bảo đảm thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án mà bị chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố, *cho thuê* thì tài sản đó bị kê biên, xử lý để thi hành án. Chấp hành viên có văn bản yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đối với tài sản đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đối với tài sản đó.  *Trường hợp có giao dịch về tài sản mà người phải thi hành án không sử dụng khoản tiền thu được từ giao dịch đó để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc có tài sản khác nhưng không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì xử lý như sau:* | Cần có quy định đối với trường hợp kê biên tài sản là quyền sở hữu trí tuệ khi tiến hành kê biên tài sản để thi hành án | Bộ Khoa học và công nghệ |  | Ban soạn thảo thấy rằng: Các quy định về việc thi hành án nói chung cũng như áp dụng biện pháp cưỡng chế nói riêng được áp dụng với tất cả các loại tài sản, bao gồm cả tài sản là quyền sở hữu trí tuệ. Do đó, không cần thiết phải bổ sung quy định này. |
| + Khoản 1 nên quy định thêm chủ thể có quyền yêu cầu Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền đó là “đương sự” nhằm mục đích giảm tải cho CHV mặt khác đảm bảo được quyền của đương sự trong thi hành án. | UBND tỉnh Điện Biên |  | Ban soạn thảo thấy rằng: Đoạn 1 khoản 1 là tài sản đã bị áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế…***vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án*** thuộc trường hợp đương sự cố tình tẩu tán tài sản. Do đó, không nên quy định thêm đương sự có quyền này vì sẽ làm mất nhiều thời gian tổ chức thi hành án nên. Đồng thời, Bộ luật hình sự đã có quy định về các tội phạm liên quan đến hoạt động THADS. Trường hợp Chấp hành viên thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự thì có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định tại khoản 7 Điều 20 Luật THADS[[13]](#footnote-13). |
|  | *a) Trường hợp việc chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng tài sản, chuyển quyền sử dụng đất nhưng chưa hoàn thành việc đăng ký chuyển quyền sở hữu, sử dụng thì Chấp hành viên tiến hành kê biên, xử lý tài sản theo quy định. Khi kê biên tài sản, nếu có tranh chấp thì Chấp hành viên thông báo cho đương sự, người có tranh chấp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật thi hành án dân sự.*  *Trường hợp việc chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng tài sản, chuyển quyền sử dụng đất kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng đã hoàn thành việc đăng ký chuyển quyền sở hữu, sử dụng thì Chấp hành viên không kê biên tài sản mà thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 75 Luật thi hành án dân sự*.  *Việc xử lý tài sản được thực hiện theo quyết định của Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền.*  *b) Trường hợp có các giao dịch khác liên quan đến tài sản mà không chuyển giao quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất cho người khác* *được thực hiện sau thời điểm có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật thì Chấp hành viên tiến hành kê biên, xử lý tài sản để thi hành án. Quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia giao dịch được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và các quy định của pháp luật có liên quan.”* | Cần bổ sung thêm xử lý theo khoản 2 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự. Hiện Dự thảo mới quy định “xử lý theo khoản 1 Điều 75 Luật THADS”, nếu chỉ quy định như Dự thảo thì khi hết thời hạn khởi kiện mà đương sự và người có quyền, lợi ích liên quan không khởi kiện ra Tòa án thì Chấp hành viên sẽ kê biên, xử lý tài sản đó và Chấp hành viên sẽ gặp ngay khó khăn như hiện tại các cơ quan thi hành án đang gặp đó là hợp đồng chuyển nhượng trước đó đã được công chứng, chứng thực cho nên không thể tổ chức bán được tài sản đó vì không có công chứng viên nào dám công chứng khi hợp đồng trước đó chưa được hủy bỏ. | Học viện tư pháp | Tiếp thu ý kiến trên, Ban soạn thảo đã bổ sung nội dung trên vào Dự thảo. |  |
| +Đối với nội dung “trường hợp có giao dịch về tài sản mà người được thi hành án không sử dụng…”  Đề nghị bổ sung để đảm bảo rõ ý theo hướng quy định: Tài sản phải là tài sản để thi hành án mà không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp bảo đảm thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án; giao dịch là giao dịch kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.  **+** *Đề nghị bổ sung điểm a khoản 1: a) Trường hợp việc chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng tài sản, chuyển quyền sử dụng đất* ***kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật*** *nhưng…” (Phú Yên; UBND Phú Yên)* | **Ngân hàng nhà nước Việt Nam,** UBND tỉnh Điện Biên |  | Ban soạn thảo thấy rằng: tại đoạn 1 khoản 1 Điều 24 đã có quy định về trường hợp có giao dịch đối với tài sản đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp bảo đảm thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án. Đoạn 2 là áp dụng đối với các tài sản chưa bị áp dụng các biện pháp trên.  Về giao dịch: Những giao dịch nhằm chuyển quyền sở hữu tài sản, chuyển quyền sử dụng đất nhưng chưa hoàn thành việc đăng ký hoặc những giao dịch không nhằm chuyển quyền sở hữu, sử dụng thì tài sản vẫn đang thuộc quyền sở hữu của người phải thi hành án. Do đó, Chấp hành viên vẫn kê biên, xử lý tài sản để thi hành án.  Đối với những giao dịch nhằm chuyển quyền sở hữu tài sản, chuyển quyền sử dụng đất và đã hoàn thành việc chuyển quyền thì về mặt pháp lý, tài sản đã thuộc quyền sở hữu của người khác. Do đó, Chấp hành viên không kê biên tài sản mà hướng dẫn các đương sự khởi kiện tại Tòa án theo quy định. |
|  | + Bỏ từ “Đăng ký” trong cụm chuyển quyền sở hữu, sử dụng vì một số tài sản là bất động sản, xác lập quyền sở hữu không căn cứ vào việc đăng ký quyền sở hữu. Thời điểm hoàn thành việc chuyển quyền sở hữu đối với tài sản được quy định BLDS 2015, nếu quy định như dự thảo gây khó khăn trong quá trình giải thích áp dụng quy định **(Thanh Hóa)** |  | Ban soạn thảo thấy rằng: Theo các quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Nhà ở và các văn bản pháp luật chuyên ngành khác[[14]](#footnote-14) thì thời điểm chuyển quyền sở hữu, hoàn thành việc chuyển quyền sở hữu đối với mỗi loại tài sản là khác nhau, Do đó, nếu quy định “đăng ký chuyển quyền sở hữu, sử dụng” thì sẽ chỉ giới hạn đối với các tài sản phải đăng ký. Vì vậy, tiếp thu ý kiến trên, Dự thảo bỏ từ “đăng ký” và chỉ quy định là “chưa hoàn thành việc chuyển quyền sở hữu, sử dụng”. |  |
|  | **Điểm c Khoản 2 Điều 24**  **Phương án 1:** Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 24. | Nhất trí phương án 1. | Có **38** ý kiến nhất trí, gồm: 10 Bộ ngành, 04 đơn vị thuộc Bộ, 03 đơn vị thuộc Tổng cục, 20 Cục THADS, 03 UBND[[15]](#footnote-15) | Ban soạn thảo thấy rằng: do còn có nhiều ý kiến khác nhau liên quan đến việc sửa đổi quy định này. Việc nghiên cứu, đánh giá phương án nào là phù hợp cần có nhiều thời gian. Do đó, Ban soạn thảo đề xuất giữ nguyên như quy định hiện hành, không sửa đổi quy định này mà sẽ đề xuất khi xây dựng Luật sửa đổi Luật THADS. | |
|  | **Phương án 2:**  “c) Đối với tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng chung của vợ, chồng thì *Chấp hành viên thực hiện việc thông báo cho người phải thi hành án và vợ hoặc chồng của họ biết để tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, lựa chọn tài sản để thi hành án.*  *Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà các bên không thỏa thuận hoặc thỏa thuận vi phạm quy định tại Điều 6 Luật thi hành án dân sự hoặc thỏa thuận không được thì* Chấp hành viên xác định phần sở hữu của vợ, chồng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình; *lựa chọn tài sản để kê biên* và thông báo cho vợ, chồng biết.Trường hợp vợ hoặc chồng không đồng ý với việc xác định của Chấp hành viên thì có quyền yêu cầu Toà án phân chia tài sản chung trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ.  Hết thời hạn này mà không có người khởi kiện thì Chấp hành viên *căn cứ tổng giá trị khối tài sản chung; phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung và nghĩa vụ phải thi hành án để tiến hành kê biên, xử lý một hoặc một số tài sản phù hợp và* trả lại cho vợ hoặc chồng giá trị phần tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của họ*, nếu có*. | Nhất trí phương án 2 để có quy định cụ thể trong trường hợp chia tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng chung của vợ, chồng | Có **36** ý kiến nhất trí với phương án này, gồm: 06 Bộ, 02 đơn vị thuộc Bộ, 27 Cục THADS, 01 UBND[[16]](#footnote-16) |
|  | 6. Trường hợp người phải thi hành án tự nguyện giao tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7a Luật Thi hành án dân sự để thi hành nghĩa vụ trả tiền thì Chấp hành viên lập biên bản về việc tự nguyện giao tài sản.Biên bản này là cơ sở đểChấp hành viên giao tài sản theo thỏa thuận hoặc tổ chức việc định giá, bán tài sản *và xác định thứ tự ưu tiên thanh toán*. Chi phí định giá, bán tài sản và các chi phí cần thiết khác theo quy định của pháp luật do người phải thi hành án chịu.  Trường hợp đương sự tự nguyện giao nhà ở là tài sản duy nhất nhưng số tiền thu được không đủ để thanh toán các nghĩa vụ thi hành án mà người phải thi hành án không còn đủ tiền để thuê nhà ở hoặc tạo lập nơi ở mới thì Chấp hành viên thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật thi hành án dân sự.” |  |  |  |  |
|  | **Điều 27. Bán đấu giá và xử lý kết quả bán đấu giá tài sản thi hành án** |  |  |  |  |
|  | 1. Trước khi bán tài sản lần đầu đối với tài sản thuộc sở hữu chung mà có nhiều chủ sở hữu chung đề nghị mua phần tài sản của người phải thi hành án theo giá đã định thì Chấp hành viên thông báo cho các chủ sở hữu chung đó thỏa thuận người được quyền mua. Nếu không thỏa thuận được thì Chấp hành viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người được mua tài sản bán đấu giá. | Đề nghị bỏ cụm từ “bán đấu giá” trong câu: “Nếu không thỏa thuận được thì Chấp hành viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người được mua tài sản bán đấu giá”. Vì trường hợp này là việc lựa chọn chủ sở hữu chung được ưu tiên mua trước khi bán tài sản lần đầu đối với tài sản thuộc sở hữu chung, nghĩa là chưa tổ chức cuộc đấu giá. | Cục Bổ trợ tư pháp | Tiếp thu, đã chỉnh lý vào Dự thảo |  |
|  | **"**3. Người mua được tài sản bán đấu giá phải nộp tiền vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự trong thời hạn không quá *30* ngày, kể từ ngày đấu giá thành.  Trong thời hạn không quá 30 ngày, trường hợp khó khăn, phức tạp thì không quá 60 ngày, kể từ ngày người mua được tài sản nộp đủ tiền, cơ quan thi hành án dân sự phải tổ chức việc giao tài sản cho người mua được tài sản, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng.  Tổ chức bán đấu giá tài sản có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự trong việc giao tài sản cho người mua được tài sản đấu giá. Tổ chức, cá nhân cản trở, can thiệp trái pháp luật dẫn đến việc chậm giao tài sản bán đấu giá thành mà gây thiệt hại cho người mua được tài sản bán đấu giá thì phải bồi thường.” | Đề nghị quy định cụ thể hơn tiêu chí xác định “trường hợp khó khăn, phức tạp” | Bộ Công an |  | Ban soạn thảo thấy rằng: các trường hợp “khó khăn, phức tạp” dẫn đến việc kéo dài thời gian giao tài sản cho người mua được tài sản rất đa dạng và tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể như: người phải thi hành án chống đối gay gắt, có những hành vi gây nguy hiểm cho bản thân hoặc lực lượng cưỡng chế, dẫn đến việc chưa thể tổ chức cưỡng chế; sự phối hợp của các lực lượng tham gia cưỡng chế; do yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền…Tùy từng trường hợp mà mức độ của các khó khăn trên là khác nhau, ảnh hưởng đến tiến độ giao tài sản cho người mua trúng đấu giá. Nếu quy định cụ thể thì có thể dẫn đến việc không thể liệt kê và đánh giá hết mức độ của những “khó khăn, phức tạp” nêu trên. |
|  | “5. *Trường hợp trong cùng một phiên đấu giá mà có nhiều tài sản được đấu giá để thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự yêu cầu tổ chức đấu giá thực hiện việc đấu giá theo thứ tự từ tài sản có giá trị lớn nhất. Trường hợp số tiền thu được đã đủ để thi hành nghĩa vụ và các chi phí theo quy định thì không tiếp tục đấu giá các tài sản còn lại.* | Luật Đấu giá tài sản tại khoản 1 Điều 47 quy định về trường hợp người có tài sản đấu giá có quyền dừng cuộc đấu giá khi có hành vi vi phạm pháp luật của người tham gia đấu giá, đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản. Do đó, đề nghị nghiên cứu sửa đổi quy định dừng cuộc đấu giá khi đã thu đủ số tiền để thi hành án để phù hợp với Luật đấu giá tài sản, Luật THADS nhằm đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của người tgia đấu giá, người có tài sản đấu giá. | UBND TP Hồ Chí Minh, UBND Cao Bằng, Cục BTTP |  | Ban soạn thảo thấy rằng: Luật THADS quy định đấu giá tài sản nhằm thu tiền để thực hiện nghĩa vụ của người phải thi hành án. Do đó, quá trình tổ chức đấu giá tài sản không thể tách rời quá trình thi hành án. Pháp luật về thi hành án có quy định về việc kê biên, xử lý tài sản tương ứng với nghĩa vụ của người phải thi hành án. Đồng thời, Chấp hành viên với tư cách là người có tài sản đưa ra bán đấu giá phải thực hiện đúng quy định về Luật Đấu giá tài sản và pháp luật THADS. Do đó, việc yêu cầu không tiếp tục bán đấu giá tài sản còn lại khi đã thu đủ các khoản tiền thi hành án là cần thiết, bảo đảm đúng nguyên tắc của Luật THADS cũng như bảo đảm an sinh xã hội khi nghĩa vụ thi hành án của họ đã được đảm bảo. (Điều 105 Luật THADS). |
|  | Đối với quy định về thứ tự đấu giá các tài sản trong cùng một phiên đấu giá, đề nghị cân nhắc bổ sung trường hợp thực hiện thứ tự đấu giá các tài sản theo đề nghị của người phải thi hành án nếu họ có yêu cầu để bảo đảm lợi ích hợp pháp của chủ tài sản. | Bộ Công an |  | Ban soạn thảo thấy rằng: Theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản thì “người có tài sản đấu giá là cơ quan THADS”. Do đó, khi tài sản của người phải thi hành án đã bị cưỡng chế và đưa ra đấu giá thì người phải thi hành án không có quyền lựa chọn tài sản để đấu giá. |
|  | **Phương án 1:**  Trường hợp sau khi phiên đấu giá kết thúc mà người trúng đấu giá tài sản từ chối mua hoặc đã ký hợp đồng mua bán tài sản nhưng chưa thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào thì khoản tiền đặt trước thuộc về ngân sách nhà nước và được sử dụng để *thanh toán khoản bồi thường Nhà nước của các cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;* bảo đảm tài chính để thi hành án và các chi phí cần thiết khác theo quy định của pháp luật.  Trường hợp người mua được tài sản bán đấu giá không thực hiện đầy đủ hoặc không đúng hạn nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng thì tiền thanh toán mua tài sản đấu giá được xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá và quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán tài sản.  Cơ quan thi hành án dân sự tổ chức bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật. | Nhất trí phương án 1 | **26 ý kiến nhất trí với phương án 1[[17]](#footnote-17)** | Ban soạn thảo thấy rằng: do còn có nhiều ý kiến khác nhau liên quan đến việc sửa đổi quy định này. Việc nghiên cứu, đánh giá phương án nào là phù hợp cần có nhiều thời gian. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng đánh giá các quy định hiện hành cơ bản vẫn đang phù hợp. Do đó, Ban soạn thảo đề xuất giữ nguyên như quy định hiện hành, không sửa đổi quy định này mà sẽ đề xuất khi xây dựng Luật sửa đổi Luật THADS. | |
| Việc quy định theo phương án 1 sẽ tách bạch được chính sách pháp luật điều chỉnh đối với từng trường hợp phát sinh cụ thể nếu có, theo đó trường hợp các bên vi phạm về nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng thì cần căn cứ các thỏa thuận được đặt ra trong hợp đồng và quy định của pháp luật về dân sự. | **Bộ Công thương** |
|  | **Phương án 2:**  Trường hợp sau khi phiên đấu giá kết thúc mà người trúng đấu giá tài sản từ chối mua *hoặc vi phạm thời hạn thanh toán tiền mua tài sản đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều này* thì khoản tiền đặt trước *sau khi trừ đi các chi phí xử lý tài sản, số tiền còn lại*thuộc về ngân sách nhà nước và được sử dụng để *thanh toán khoản bồi thường nhà nước của các cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;*bảo đảm tài chính để thi hành án và các chi phí cần thiết khác theo quy định của pháp luật.  Cơ quan thi hành án dân sự tổ chức bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật.*”* | Nhất trí phương án 2. Lý do: việc quy định cụ thể thanh toán các chi phí xử lý tài sản là phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tính khả thi | **45 ý kiến nhất trí phương án 2[[18]](#footnote-18)** |
| Đề nghị thay thế cụm từ “***từ chối mua***” bằng cụm từ “***từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản***”. | TP HCM |
| Đề nghị cân nhắc thay thế, sửa đổi cụm từ “***sau khi trừ đi chi phí xử lý tài sản***” để phù hợp, thống nhất với quy định tại khoản 8 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản: *"...tiền đặt trước được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật, sau khi trừ chi phí đấu giá tài sản*" | Lạng Sơn |
|  |  |
|  | **Ý kiến chung đối với 02 phương án** | +Khoản 5 Điều 27: Khoản 8 Điều 39 Luật đấu giá tài sản năm 2016 quy định tiền đặt trước thuộc về người có tài sản đấu giá; trong trường hợp người có tài sản đấu giá là cơ quan nhà nước thì tiền đặt trước được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật, sau khi trừ chi phí đấu giá tài sản. Do vậy, đề nghị xem xét nghiên cứu phương án sửa đổi, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật đấu giá tài sản | **Ngân hàng nhà nước Việt Nam** |
|  | Đề nghị rà soát để phù hợp với quy định tại Điều 39 Luật Đấu giá tài sản | **Cục Kiểm tra văn bản** |
|  | Bộ Tài chính thấy rằng cả 02 phương án dự thảo Nghị định đưa ra đều sửa nội dung “tạm ứng chi phí bồi thường Nhà nước” tại Nghị định số 62/2015/NĐ-CP thành “thanh toán khoản bồi thường Nhà nước của các cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”. Tuy nhiên, việc sửa lại như trên là không phù hợp vì theo quy định tại Điều 64 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì người thi hành công vụ có lỗi gây thiệt hại có nghĩa vụ hoàn trả cho ngân sách nhà nước một phần hoặc toàn bộ số tiền mà Nhà nước đã bồi thường cho người bị thiệt hại. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu sửa lại quy định này như nội dung đã quy định cụ thể tại điểm a khoản 8 Điều 12 Thông tư số 200/2016/TT-BTC. | **Bộ Tài chính** |
|  |  | Điểm a khoản 1 Điều 47 Luật Đấu giá tài sản quy định người có tài sản đấu giá có quyền giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá. Do đó, đề nghị bổ sung Khoản 6 Điều 27: *Cơ quan THADS thực hiện quyền giám sát quá trình tổ chức việc đấu giá của tổ chức đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.* | **UBND TP Hồ Chí Minh** |
|  |  | Quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản thi hành án chưa thể hiện cụ thể trách nhiệm của Chấp hành viên khi đem tài sản của người phải thi hành án để Trung tâm bán đấu giá tổ chức bán đấu giá. Thực tiễn hiện nay, trách nhiệm của Chấp hành viên mới chỉ dừng lại ở việc ký hợp đồng bán đấu giá tài sản với Trung tâm bán đấu giá mà không theo dõi từ khi bắt đầu đến khi kết thúc quy trình bán đấu giá, như vậy sẽ không bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ của người có liên quan, dễ dẫn đến khiếu nại, tố cáo và gây khó khăn trong việc tiến hành giao tài sản trúng đấu giá theo quy định tại Điều 103 Luật Thi hành án dân sự. | **Viện kiểm sát nhân dân tối cao** |  | Ban soạn thảo thấy rằng: Điều 47 Luật Đấu giá tài sản quy định về quyền và nghĩa vụ của người có tài sản đấu giá. Khoản 5 Điều 5 Luật này quy định: Người có tài sản đấu giá trong thi hành án là cơ quan THADS. Do đó, các nhiệm vụ, quyền hạn của Chấp hành viên khi đem tài sản của người phải thi hành án ra bán đấu giá được thực hiện theo quy định tại Điều 47 và các quy định khác có liên quan của Luật Đấu giá tài sản. |
|  | **Điều 34. Áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án trong trường hợp ủy thác thi hành nghĩa vụ liên đới**  **Bãi bỏ**  *~~Trường hợp này không áp dụng thời hạn được quy định tại các điều 67,68 và Điều 69 Luật Thi hành án dân sự. Thời hạn áp dụng thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 16~~* | Đề nghị giữ nguyên vị trí của Điều 34 hiện hành, vì nội dung của Điều 34 hướng dẫn về việc “áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án” | Hà Nội | Tiếp thu, đã chỉnh lý vào Dự thảo |  |
|  | **Điều 38. Giải quyết khiếu nại về thi hành án** |  |  |  |  |
|  | **+ Bãi bỏ khoản 3 Điều 38** | + Đề nghị cân nhắc việc bãi bỏ Khoản 3 Điều 38 vì : Tính chất của việc ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án là “gấp”, “khẩn trương”, “cấp thiết” để nhằm ngăn chặn người phải thi hành án tẩu tán, định đoạt tài sản để trốn tránh việc thi hành án. Ngoài ra, Luật THADS quy định thời hạn giải quyết khiếu nại của quyết định về áp dụng biện pháp bảo đảm cũng ngắn, không quy định thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai; trong khi đó các hành vi, quyết định khác bị khiếu nại đều được Luật quy định thời hạn giải quyết khiếu nại cả lần đầu và lần hai. Do đó, không thể đánh giá là quy định này trong Nghị định là trái với Luật THADS. | Trà Vinh; Quảng Trị | Ban soạn thảo thấy rằng: Tại khoản 2 Điều 146 Luật THADS quy định về thời hạn giải quyết khiếu nại, thì thời hạn giải quyết khiếu nại đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là 5 ngày làm việc mà không quy định thời hạn giải quyết khiếu nại lần 2. Do đó, nếu sửa Nghị định theo hướng bỏ quy định giải quyết 1 lần để thực hiện giải quyết 2 lần như việc giải quyết đối với hành vi, quyết định khác là trái quy định tại khoản 2 Điều 146 Luật THADS nêu trên. Do đó, Ban soạn thảo đã tiếp thu ý kiến góp ý, giữ nguyên không sửa đổi quy định tại điều khoản này. |  |
|  | "4. *Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có hiệu lực, quyết định giải quyết khiếu nại* được xem xét lại theo quy định tại điểm b khoản 4 và điểm b khoản 7 Điều 142 Luật thi hành án dân sự trong các trường hợp sau đây:  a) Quyết định, hành vi bị khiếu nại là trái pháp luật nhưng quyết định giải quyết khiếu nại cho rằng quyết định, hành vi đó là đúng pháp luật;  b) Việc giải quyết khiếu nại đã vi phạm quy định của pháp luật về thủ tục giải quyết khiếu nại về thi hành án;  c) Có tình tiết mới làm thay đổi cơ bản kết quả giải quyết khiếu nại.” | + Đề nghị bỏ quy định về thời hạn 3 năm vì căn cứ điểm b khoản 4 và điểm b khoản 7 Điều 142 Luật THADS thì Bộ trưởng BTP và Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng có quyền xem xét lại quyết định khiếu nại đã có hiệu lực thi hành. Luật THADS ko có quy định về thời hạn xem xét lại khiếu nại nêu trên nên Nghị định không được hướng dẫn nội dung luật ko quy định. | **Tòa án nhân dân tối cao** |  | Ban soạn thảo nhận thấy: Theo quy định tại Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì: Nghị định quy định chi tiết điều, khoản điểm của Luật. Tuy nhiên, Nghị định số 62/2015/NĐ-CP được ban hành và có hiệu lực trước ngày Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực (ngày 01/7/2016), theo đó, Nghị định số 62/2015/NĐ-CP là Nghị định quy định chi tiết, đồng thời, hướng dẫn thi hành một số điều và những nội dung cần thiết khác để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về công tác thi hành án dân sự. Do đó, việc Nghị định quy định mở rộng hơn Luật là được phép và không trái Luật để đáp ứng yêu cầu quản lý khi cần thiết. Do đó, cần thiết phải quy định nội dung này để khắc phục tình trạng đương sự lợi dụng việc không quy định thời hạn để xem xét lại quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật để sau thời gian dài (có vụ việc sau 10-15 năm) mới đề nghị xem xét lại gây khó khăn cho công tác thi hành án dân sự. |
|  | **Điều 46. Mức phí, thủ tục thu nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án**  Bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016. | Đề nghị xem xét sửa đổi quy định về phí THADS để phù hợp với thẩm quyền quy định tại Luật Phí, lệ phí: thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Tài chính | Bộ Tài chính |  | Ban soạn thảo thấy rằng: Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí, Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành (ngày 01/01/2017) các Điều 46, 47, 48 và các nội dung khác có liên quan đến phí thi hành án dân sự tại Nghị định số 62/2015/NĐ-CP hết hiệu lực thi hành. Do đó, không cần thiết có quy định bãi bỏ hiệu lực của các Điều 46, 47, 48 trong Dự thảo Nghị định. |
|  | **Điều 47. Những trường hợp không phải chịu phí thi hành án**  Bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016. |  |  |
|  | **Điều 48. Miễn, giảm phí thi hành án**  Bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016. |  |  |
|  | **Điều 49. Thủ tục thanh toán tiền, trả tài sản thi hành án** |  |  | ***Ban soạn thảo nhận thấy:*** Theo quy định tại Điều 11[[19]](#footnote-19) Bộ luật Dân sự về phương thức bảo vệ quyền dân sự thì khi quyền dân sự của một người bị xâm phạm, đã được Tòa án bảo vệ (bằng một bản án, quyết định) thì họ có quyền tự thỏa thuận hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền (cơ quan THADS) để tổ chức thi hành bản án, quyết định đó, bảo vệ quyền lợi cho họ. Bên cạnh đó, tại Bản án, quyết định cũng đã quy định rõ quyền yêu cầu thi hành án, nên trách nhiệm của cơ quan THADS chỉ phát sinh kể từ thời điểm đương sự thực hiện quyền yêu cầu thi hành án (trừ trường hợp cơ quan THADS ra quyết định thi hành án chủ động). Như vậy, chỉ khi có yêu cầu thi hành án thì người được hưởng quyền, lợi ích trong Bản án, quyết định mới có đầy đủ tư cách, quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.  Việc cơ quan THADS phải thông báo và phân chia số tiền thu được cho cả những người chưa có yêu cầu thi hành án vừa không phù hợp với nguyên tắc tổ chức thi hành án (chỉ ra quyết định thi hành án trên cơ sở yêu cầu thi hành án, chỉ được xử lý tài sản tương ứng với nghĩa vụ và chi phí phát sinh….) vừa ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của những người được thi hành án đã yêu cầu thi hành án[[20]](#footnote-20) và làm phát sinh thêm trách nhiệm của cơ quan THADS (trên thực tiễn phát sinh rất nhiều khiếu nại, tố cáo liên quan đến thủ tục thông báo và thanh toán tiền thi hành án). Do đó, Ban soạn thảo đề xuất lựa chọn xây dựng 01 phương án (theo phương án 1) để trình Chính phủ. | |
|  | **“Phương án 1:**  1*.* Trường hợp thanh toán tiền thi hành án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47 Luật thi hành án dân sự thì Chấp hành viên xác định số tiền được thanh toán của những người được thi hành án đã yêu cầu thi hành án *theo các bản án, quyết định đang* *do cơ quan thi hành án đó tổ chức thi hành* tính đến thời điểm có quyết định cưỡng chế *hoặc có biên bản về việc tự nguyện giao tài sản* *để ưu tiên thanh toán cho họ.* |  | Có **32** cơ quan nhất trí với phương án 1[[21]](#footnote-21), gồm: 08 Bộ, 01 đơn vị thuộc Tổng cục, 21 Cục THADS và 01 UBND. |
|  | **Phương án 2:**  1. Trường hợp thanh toán tiền thi hành án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47 Luật Thi hành án dân sự thì Chấp hành viên xác định rõ những người được thi hành án đã yêu cầu thi hành án *theo các bản án, quyết định đang trực tiếp tổ chức thi hành* tính đến thời điểm có quyết định cưỡng chế *thi hành án hoặc có biên bản về việc tự nguyện giao tài sản để lập phương án chi trả. Trường hợp trong số các bản án, quyết định đó có bản án, quyết định* có nhiều người được thi hành án nhưng mới chỉ một hoặc một số người yêu cầu thi hành án thì *phương án chi trả bao gồm cả những người chưa yêu cầu thi hành án.*  Cơ quan thi hành án dân sự thực hiện việc *chi trả* cho người đã yêu cầu thi hành án theo tỷ lệ mà họ được nhận; gửi số tiền của những người chưa yêu cầu thi hành án vào ngân hàng theo loại tiền gửi kỳ hạn 01 tháng, đồng thời thông báo và ấn định thời hạn không quá 01 tháng cho họ về quyền yêu cầu thi hành án, trừ trường hợp đã hết thời hiệu.  *Trong thời hạn đã ấn định mà tiếp tục nhận được yêu cầu thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án theo quy định và chi trả cho họ số tiền đã gửi, tiền lãi theo tỷ lệ đã được xác định.*  *Sau khi* hết thời hạn thông báo mà cơ quan thi hành án dân sự không nhận được yêu cầu thi hành án thì số tiền đã gửi và tiền lãi được *chi trả* tiếp cho những người đã có yêu cầu thi hành án tính đến thời điểm hết thời hạn thông báo. Số tiền còn lại được *chi trả* cho những người được thi hành án theo các quyết định thi hành án khác tính đến thời điểm thanh toán hoặc trả lại cho người phải thi hành án. | Nhất trí phương án 2 | **39** ý kiến nhất trí, gồm: 06 Bộ, 04 đơn vị thuộc Bộ, 02 đơn vị thuộc Tổng cục, 24 Cục THADS, 02 UBND và đ/c Đinh Trung Tụng[[22]](#footnote-22) |
|  | - Phương án 2:  + Đề nghị thay thế cụm từ “Chấp hành viên xác định rõ những người được thi hành án đã yêu cầu thi hành án theo các bản án, quyết định ***đang trực tiếp tổ chức thi hành…***” thành “Chấp hành viên xác định rõ những người được thi hành án đã yêu cầu thi hành án theo các bản án, quyết định đang ***do cơ quan thi hành án đó tổ chức thi hành…”. (*TP Hồ Chí Minh, Bình Phước)** |
|  | 5.  a) Khoản tiền, tài sản chưa xác định được địa chỉ của người được nhận hoặc khoản tiền hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, mà người được thi hành án đã yêu cầu thi hành án không đến nhận;  Sau khi gửi tiền, tài sản, nếu người được nhận tiền, tài sản đến nhận thì cơ quan thi hành án dân sự chi trả tiền, tài sản cho người được nhận. Phần lãi tiền gửi được cộng vào số tiền gửi ban đầu và trả cho người được nhận.  Trường hợp hết thời hạn 05 năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc 01 năm, kể từ ngày thông báo đối với trường hợp thu được tiền sau thời điểm 05 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật mà người được thi hành án không đến nhận thì *Thủ trưởng* cơ quan thi hành án dân sự *ra quyết định sung công quỹ nhà nước và* chuyển nộp số tiền, tài sản đó vào Ngân sách Nhà nước.” |  |  |  |  |
|  | **Điều 50. Tương trợ tư pháp về dân sự trong thi hành án**  “3. Đối với việc thi hành án có yêu cầu UTTP thì xử lý như sau:  a) *Trong thời hạn 03 tháng đối với trường hợp cần UTTP đối với cùng một đương sự trong cùng một việc thi hành án và 06 tháng đối với trường hợp khác, kể từ ngày Bộ Tư pháp gửi hồ sơ UTTP hợp lệ mà cơ quan thi hành án dân sự* nhận được đủ kết quả UTTP theo đúng nội dung yêu cầu *thì* cơ quan thi hành án dân sự thực hiện việc thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.  b) *Trường hợp đã* hết thời hạn quy định tại điểm a khoản này mà cơ quan thi hành án dân sự đã yêu cầu UTTP không nhận được thông báo về kết quả thì cơ quan thi hành án dân sự căn cứ vào những tài liệu đã có để giải quyết việc thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Kể từ thời điểm này, trường hợp cần thiết thông báo cho đương sự thì *việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cấp trung ương về văn bản, giấy tờ cần thông báo.*  c) Trường hợp UTTP về việc giao trả giấy tờ, tài liệu liên quan đến tài sản, nhân thân của đương sự, nếu việc thực hiện UTTP *không* có kết quả hoặc đương sự không đến nhận thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hết thời hạn quy định tại *điểm b khoản này* mà đương sự không đến nhận thì cơ quan thi hành án làm thủ tục gửi cho người đó; trường hợp không xác định được địa chỉ người nhận thì gửi cho cơ quan, tổ chức đã ban hành giấy tờ, tài liệu hoặc cơ quan đại diện của nước có cơ quan, tổ chức đã ban hành giấy tờ, tài liệu” | Quy định chung đối với việc UTTP đối với các văn bản sau thì thời hạn chỉ là 03 tháng, dù việc UTTP lần đầu vẫn có kết quả là không phù hợp với thực tế. Vì trung bình UTTP gửi đi nước ngoài từ 4-6 tháng mới nhận được kết quả, cá biệt có trường hợp trên 9 tháng. | Bộ Ngoại giao, Vụ Pháp luật quốc tế | Ban soạn thảo thấy rằng: tiếp thu ý kiến trên, Ban soạn thảo đã bỏ quy định “*Trong thời hạn 03 tháng đối với trường hợp cần UTTP đối với cùng một đương sự trong cùng một việc thi hành án”* |  |
| + Đề nghị cân nhắc sự cần thiết của việc bổ sung nội dung thông tin trên “phương tiện thông tin đại chúng cấp trung ương”. Đa số các trường hợp cần đề nghị tương trợ tư pháp là đối với đương sự ở nước ngoài và việc thông tin theo quy định nêu trên không đảm bảo tính hiệu quả.  Vụ Pháp luật quốc tế đề nghị cần dẫn chiếu đến Điều 43 Luật THADS để hiểu và áp dụng thống nhất. | Bộ Ngoại giao | Ban soạn thảo thấy rằng: Trường hợp UTTP không có kết quả thì việc tiếp tục thực hiện UTTP tiếp sẽ tốn rất nhiều thời gian, kinh phí, kéo dài thời gian tổ chức thi hành án. Do đó, việc vẫn thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là cần thiết và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho đương sự. Đồng thời, tiếp thu ý kiến của Vụ Pháp luật quốc tế, Ban soạn thảo đã chỉnh lý, bổ sung căn cứ pháp lý là Điều 43 Luật THADS. |  |
| +Quy định tại điểm a không rõ ràng, khó hiểu khi phân chia hai trường hợp là UTTP cho cùng 1 đương sự trong cùng 1 vụ việc và UTTP khác để quy định khoảng thời gian nhận được kết quả UTTP của BTP làm cơ sở giải quyết vụ việc áp dụng với mỗi trường hợp khác nhau. Đề nghị kiểm tra, rà soát lại quy định này làm rõ điểm khác biệt giữa hai trường hợp, tránh tạo sự phân biệt không có cơ sở. | Vụ Pháp luật quốc tế | Ban soạn thảo thấy rằng: tiếp thu ý kiến trên, đồng thời làm rõ hơn thủ tục UTTP lần đầu và UTTP cho cùng một đương sự trong cùng một vụ việc ở những lần sau, Ban soạn thảo đã thiết kế lại quy định trên cho rõ ràng hơn. |  |
| + Theo quy định tại điểm b trong trường hợp hết thời hạn quy định mà cơ quan THADS không nhận được kết quả thì sẽ căn cứ vào những tài liệu đã có để giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật. Quy định này thừa kế điểm c khoản 3. Tuy nhiên, quy định hiện hành đang gặp vướng mắc khi thực hiện vì thiếu quy định xử lý cụ thể. Bên cạnh đó, UTTP có thể xảy ra các trường hợp: i) có trả lời nhưng kết quả là UTTP không thực hiện được do địa chỉ đương sự không chính xác; đương sự đã chuyển đi nơi khác hay không có tại địa chỉ yêu cầu; (ii) nước ngoài trả lại hồ sơ do thông tin không đầy đủ; nội dung yêu cầu không thuộc thẩm quyền của cơ quan được yêu cầu. Do vậy, cần phải phân loại các trường hợp để quy định hướng dẫn xử lý tương ứng đảm bảo tính khả thi. **(Vụ Pháp luật quốc tế)** | Vụ Pháp luật quốc tế | Tiếp thu ý kiến trên, Dự thảo đã quy định theo hướng tách riêng việc giải quyết đối với những trường hợp này. |  |
| +Căn cứ thời hạn để xử lý việc trao trả giấy tờ tài liệu liên quan đến tài sản, nhân thân của đương sự nếu việc UTTP không có kết quả hoặc đương sự không đến nhận tại điểm c được dẫn chiếu trở lại điểm b. Việc dẫn chiếu này không rõ ràng, có thể dẫn đến cách hiểu khác nhau là căn cứ vào (i) thời hạn quy định tại điểm a; (ii) thời điểm thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Do đó, đề nghị TC rà soát lại quy định này đảm bảo rõ ràng, chính xác khi áp dụng. **(Vụ Pháp luật quốc tế)**  +Mục c khoản 3 quy định “trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hết thời hạn quy định tại điểm b khoản này”. Tuy nhiên, điểm b không có quy định cụ thể về thời hạn. Đề nghị Bộ có điều chỉnh cho phù hợp **(Bộ Ngoại giao)** | Bộ Ngoại giao; Vụ Pháp luật quốc tế | Tiếp thu ý kiến trên, Ban soạn thảo đã chỉnh lý lại nội dung dự thảo, theo đó toàn bộ các quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 50 sẽ được dẫn chiếu đến thời hạn quy định tại điểm a cho thống nhất. |  |
|  | **Điều 51. Việc xuất cảnh của người phải thi hành án**  *“1. Người phải thi hành án là công dân Việt Nam chưa thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án theo bản án, quyết định của Tòa án thì chưa được xuất cảnh. Quyết định thi hành án của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải có nội dung về việc chưa cho xuất cảnh đối với người phải thi hành án và gửi cho cơ quan quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh.*  *Người phải thi hành án là người nước ngoài chưa thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án theo bản án, quyết định của Tòa án thì có thể bị tạm hoãn xuất cảnh khi có yêu cầu của người được thi hành án. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định về tạm hoãn xuất cảnh và gửi cho cơ quan quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh. Thời hạn tạm hoãn xuất cảnh không quá 03 năm và có thể gia hạn.*  Cơ quan, tổ chức đang có nghĩa vụ thi hành bản án, quyết định thì quyết định về tạm hoãn xuất cảnh được áp dụng đối với người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. *Trường hợp nhận được thông báo về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức hoặc thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này thì cơ quan thi hành án dân sự gửi văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh để điều chỉnh thông tin.* | +Đề nghị làm rõ điều kiện cần đáp ứng của “nghĩa vụ thi hành án theo bản án, quyết định của Tòa án” tại đoạn 1 Khoản 1 để không làm ảnh hưởng đến quyền được xuất cảnh của công dân theo quy định của pháp luật. Nếu áp dụng quy định như trong dự thảo, người phải thi hành các nghĩa vụ mang tính liên tục, kéo dài (như nghĩa vụ cấp dưỡng) sẽ gặp nhiều khó khăn khi muốn xuất cảnh) | Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và đầu tư |  | Ban soạn thảo thấy rằng: theo quy định của pháp luật về xuất, nhập cảnh thì các trường hợp đang có nghĩa vụ chấp hành bản án, quyết định của tòa thì bị tạm hoãn xuất cảnh. Do đó, Dự thảo chỉ thể hiện quy định trên để áp dụng trong lĩnh vực THADS. Đối với trường hợp người phải thi hành các nghĩa vụ mang tính liên tục, kéo dài thì có thể yêu cầu thi hành án và thực hiện xong nghĩa vụ thì sẽ được xuất cảnh. Ngoài ra, khoản 2 Điều 51 Nghị định cũng đã quy định về trường hợp có thể không bị xem xét tạm hoãn xuất cảnh. |
|  | - Đề nghị bổ sung quy định về thời hạn tạm hoãn xuất cảnh, gia hạn và giải tỏa tạm hoãn xuất cảnh. | 03 Cục THADS[[23]](#footnote-23) | Ban soạn thảo đã tiếp thu và chỉnh lý vào Dự thảo nội dung, theo đó: “*Việc tạm hoãn xuất cảnh, gia hạn, giải tỏa tạm hoãn xuất cảnh được thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất, nhập cảnh…”* |  |
|  | *-* đề nghị: Việc đưa “nội dung về việc chưa cho xuất cảnh đối với người phải thi hành án” vào quyết định thi hành án là chưa phù hợp vì: (i) quyết định tạm hoãn xuất cảnh phải được thực hiện theo mẫu riêng theo quy định của pháp luật về xuất, nhập cảnh; (ii) việc ngăn chặn xuất cảnh đối với một công dân dựa trên cơ sở các thông tin về nhân thân bắt buộc phải có như: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; Quốc tịch; dân tộc; tôn giáo; nghề nghiệp; số chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu; địa chỉ nơi cư trú. Sau khi ban hành Quyết định thi hành án, Chấp hành viên mới tiến hành thông báo cho người phải thi hành án, tiếp theo phải tiến hành xác minh mới rõ được các thông tin nêu trên  Do đó, việc gửi Quyết định thi hành án có nội dung chưa cho xuất cảnh đối với người phải thi hành án có thể dẫn tới việc cơ quan xuất nhập cảnh không thể thực hiện được việc nhập dữ liệu ngăn chặn xuất cảnh đối với người phải thi hành án; (iii) Bản án không tuyên chưa cho xuất cảnh đối với người phải thi hành án, do đó, nếu đưa nội dung này vào Quyết định thi hành án là trái với nội dung bản án, quyết định của Tòa án. | 13 Cục THADS[[24]](#footnote-24) và UBND tỉnh Phú Thọ | Ban soạn thảo thấy rằng: Đề xuất trên là phù hợp. Do đó, Ban soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh lý vào Dự thảo, theo hướng không đưa nội dung chưa cho xuất cảnh đối với người phải thi hành án vào quyết đinh thi hành án. |  |
|  | Đề nghị bổ sung quy định loại trừ những trường hợp có thể không bị xem xét tạm hoãn xuất cảnh được quy định tại Khoản 2 Điều 51 cho thống nhất. | Bộ Công an | Tiếp thu, đã chỉnh lý vào Dự thảo |  |
|  | 4. Việc giải tỏa tạm hoãn xuất cảnh được thực hiện khi có quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm hủy bản án, quyết định đang thi hành, khi căn cứ tạm hoãn xuất cảnh không còn hoặc *khi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.”* |  |  |  |  |

1. tỉnh Lào Cai, Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Cần Thơ [↑](#footnote-ref-1)
2. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Gia Lai, Tây Ninh, Đăk Nông, Thanh Hóa, Quảng Trị, Bắc Giang, Bắc Kan, Đắk Nông, Bình Thuận; Lâm Đồng, Hòa Bình; Bình Phước; Bình Định; Tiền Giang, An Giang, Quảng Bình [↑](#footnote-ref-2)
3. Bộ Công thương [↑](#footnote-ref-3)
4. tỉnh Yên Bái, Tây Ninh; Thái Nguyên, Thái Bình [↑](#footnote-ref-4)
5. Thành phố Hồ Chí Minh [↑](#footnote-ref-5)
6. 3. Hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật mà cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được thi hành án đối với khoản tiền, tài sản thuộc sở hữu nhà nước không yêu cầu thi hành án thì cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đó có trách nhiệm chỉ đạo việc yêu cầu thi hành án. [↑](#footnote-ref-6)
7. Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Công thương, Bộ Lao động, thương binh và xã hội, Hà Nội, Khánh Hòa, Lai Châu, Nghệ An, Hà Tĩnh, Phú Yên, Hải Phòng, Lào Cai, Quảng Ninh, Bắc Giang, Bắc Kan, Long An, Hà Nam, Lâm Đồng, Bà rịa Vũng Tàu, Bình Phước, Bình Định, Gia Lai, Hà Giang, Kiên Giang, Bình Dương, Hải Dương, Đắk Lắk, UBND Sóc Trăng [↑](#footnote-ref-7)
8. Điều 11 Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC cũng đã có quy định về việc thi hành án đối với nghĩa vụ liên đới. [↑](#footnote-ref-8)
9. Điều 11. Các phương thức bảo vệ quyền dân sự: Khi quyền dân sự của cá nhân, pháp nhân bị xâm phạm thì chủ thể đó có quyền tự bảo vệ theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền: 1. Công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền dân sự của mình; 2. Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm; 3. Buộc xin lỗi, cải chính công khai; 4. Buộc thực hiện nghĩa vụ; 5. Buộc bồi thường thiệt hại; 6. Hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền; 7. Yêu cầu khác theo quy định của luật. [↑](#footnote-ref-9)
10. TANDTC, VKSNDTC, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin và truyền thông, Thanh tra Chính phủ, Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Bộ Y tế, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Đ/c Đinh Trung Tụng, Học viện tư pháp, Cục Kiểm tra VBQPPL, Cục BTNN, Cục KHTC, Vụ Phổ biến, giáo dục PL, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Vụ Các vấn đề chung về XDPL, Cục THADS TP HCM, Hà Nội, Bến Tre, Đà Nẵng, Kon Tum, Lạng Sơn, Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, Quảng Bình, Phú Thọ, Hưng Yên, Nam Định, Thái Nguyên, Thái Bình, Sơn La, Hậu Giang, Vĩnh Long, Ninh Thuận, Bình Thuận, Cà Mau, Điện Biên, Trà Vinh, Yên Bái, Đắk Nông, Đồng Nai, Hòa Bình, Thanh Hóa, Đồng Tháp, Thừa Thiên Huế, Ninh Thuận, Quảng Trị, Tiền Giang, UBND Kon Tum, UBND tỉnh Phú Yên, UBND Phú Thọ, UBND Cao Bằng, UBND tỉnh Điện Biên [↑](#footnote-ref-10)
11. Hà Giang Lâm; Đồng; Bình Định; Ninh Thuận, Nam Định, Thái Nguyên, Vĩnh Long, [↑](#footnote-ref-11)
12. Khoản 2 Điều 57 Luật THADS quy định: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định ủy thác, Thủ trưởng cơ quan THADS phải thông báo bằng văn bản về việc đã nhận được quyết định ủy thác. [↑](#footnote-ref-12)
13. Khoản 7 Điều 20 Luật THADS: CHV có nhiệm vụ, quyền hạn: Lập biên bản về hành vi vi phạm pháp luật về thi hành án; xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người vi phạm [↑](#footnote-ref-13)
14. (i) quyền tài sản là thời điểm bên mua nhận được giấy tờ về quyền sở hữu đối với quyền tài sản đó hoặc từ thời điểm đăng ký việc chuyển quyền sở hữu, nếu pháp luật có quy định; (ii) Hợp đồng tặng cho động sản có hiệu lực kể từ thời điểm bên được tặng cho nhận tài sản; (iii) ***thời điểm chuyển quyền sở hữu nhà ở là kể từ thời điểm bên mua, bên thuê mua đã thanh toán đủ tiền mua, tiền thuê mua và đã nhận bàn giao nhà ở; (iv)*** Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và ***có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính.*** [↑](#footnote-ref-14)
15. **Nhất trí phương án 1:** UBTW Mặt trận tổ quốc Việt Nam, TANDTC, VKSNDTC, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ; Bộ Quốc phòng; Bộ Khoa học và công nghệ, Bộ Y tế, Bộ Lao động, thương binh và xã hội, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam; Hội luật gia Việt Nam, Cục Đăng ký quốc gia GDBĐ; Vụ TCCB; Vụ Các vấn đề chung về XDPL; Cục Kiểm tra văn bản QPPL; Trung tâm thống kê; Vụ Nghiệp vụ 3; Vụ GQKNTC; TP HCM, Hà Nội, Trà Vinh, Yên Bái, Đắk Nông, Long An; Lâm Đồng; Hà Nam; Đồng Nai; Hòa Bình; Thanh Hóa; Gia Lai; Hà Giang; Tiền Giang; Tuyên Quang, Phú Thọ, Nghệ An, Quảng Nam, Thái Bình, Hải Phòng,; UBND Phú Yên, UBND Phú Thọ, UBND Cao Bằng, Đ/c Đinh Trung Tụng [↑](#footnote-ref-15)
16. **Nhất trí phương án 2:** Bộ Công an,Bộ Thông tin và truyền thông; Thanh tra Chính phủ; Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Bộ Công thương, Bộ Giáo dục và đào tạoVụ Phổ biến, giáo dục pháp luật; Cục BTNN;

    - Cà Mau, Bắc Giang, Lâm Đồng; Bà Rịa Vũng Tàu; Bình Định; Đồng Tháp, Tây Ninh; Thừa Thiên Huế; Ninh Thuận; Kiên Giang; Quảng Trị; Bến Tre, Đà Nẵng, Lai Châu, Lạng Sơn, Vĩnh Phúc, Quảng Bình, Hưng Yên, Hà Tĩnh, Nam Định, Phú Yên, Sơn La, Lào Cai, Hậu Giang, Quảng Ninh, Ninh Thuận; Hải Dương, UBND Sóc Trăng. [↑](#footnote-ref-16)
17. Bộ Công thương, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam; Bộ Y tế, Bộ Lao động, thương binh và xã hội, Vụ Các vấn đề chung về XDPL, Vụ KHTC, Bắc Kạn, Đắk Nông; Long An; Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai; Thanh Hóa; Quảng Trị, Bến Tre, Phú Yên, Quảng Nam, Thái Bình, Khánh Hòa, Đà Nẵng, Quảng Bình, Thái Bình; Lào Cai, UBND Sóc Trăng, UBND tỉnh Điện Biên, UBND Cao Bằng, Đ/c Đinh Trung Tụng [↑](#footnote-ref-17)
18. VKSNDTC, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và truyền thông; Thanh tra Chính phủ; Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Bộ Giáo dục và đào tạo; Cục Bồi thường nhà nước; Trung tâm thống kê; Vụ Nghiệp vụ 3, TP HCM, Bắc Giang, Cà Mau, Trà Vinh, Yên Bái, Lâm Đồng; Hà Nam, Hà Nội; Hòa Bình; Bình Phước; Bình Định; Gia Lai; Đồng Tháp; Hà Giang; Bình Phước; Tây ninh; Thừa Thiên Huế; Ninh Thuận; Kiên Giang; Bình Dương; Tiền Giang; Kon Tum, Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, Phú Thọ, Hưng Yên, Hà Tĩnh, Nam Định, Sơn La, Hải Phòng, Hậu Giang, Quảng Ninh; Lạng Sơn, UBND Kon Tum, UBND Sóc Trăng, UBND Phú Thọ [↑](#footnote-ref-18)
19. Điều 11. Các phương thức bảo vệ quyền dân sự: Khi quyền dân sự của cá nhân, pháp nhân bị xâm phạm thì chủ thể đó có quyền tự bảo vệ theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền: 1. Công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền dân sự của mình; 2. Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm; 3. Buộc xin lỗi, cải chính công khai; 4. Buộc thực hiện nghĩa vụ; 5. Buộc bồi thường thiệt hại; 6. Hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền; 7. Yêu cầu khác theo quy định của luật. [↑](#footnote-ref-19)
20. vì đã theo toàn bộ quá trình thi hành án từ khi ra quyết định thi hành án, kê biên, bán đấu giá tài sản, giao tài sản cho người trúng đấu giá…nhưng đến khi thanh toán tiền thi hành án thì lại xuất hiện “người được thi hành án” khác và phải chia tỷ lệ cho họ. Có những trường hợp người đã yêu cầu thi hành án ban đầu chỉ được thanh toán số tiền rất nhỏ vì số tiền được thi hành án của người được thi hành án yêu cầu sau nhiều hơn. Do đó, không khuyến khích việc người được thi hành án yêu cầu thi hành án sớm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. [↑](#footnote-ref-20)
21. UBTW Mặt trận tổ quốc Việt Nam, TANDTC, VKSNDTC, Bộ Nội vụ, Bộ Thông tin và truyền thông; Bộ Khoa học và công nghệ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Bộ Y tế, Bộ Lao động thương binh và xã hội, Vụ Nghiệp vụ 3, Đà Nẵng, Tuyên Quang, Nghệ An, Quảng Nam, Hải Phòng, Quảng Ninh, Khánh Hòa, Bắc Giang, Bắc Kạn, Cà Mau, Điện Biên; Trà Vinh; Đắk Nông; Long An; Hòa Bình; Bình Định; Thanh Hóa; Gia Lai; Hà Giang; Kiên Giang; Bình Dương; Tiền Giang. UBND tỉnh Điện Biên, [↑](#footnote-ref-21)
22. Bộ Quốc phòng; Thanh tra Chính phủ; Bộ Công thương, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Giáo dục và đào tạo, Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật; Bộ Giáo dục và đào tạo, Học viện tư pháp, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam Cục Kiểm tra VBQPPL, Cục BTNN; Trung tâm thống kê; Vụ GQKNTC, Yên Bái; Lâm Đồng; Hà Nam, Hà Nội; Bà Rịa Vũng Tàu; Đồng Nai; Đồng Tháp; Bình Phước; Tây Ninh; Thừa Thiên Huế; Ninh Thuận; Quảng Trị, Bến Tre, Kon Tum, Lạng Sơn, Vĩnh Phúc, Quảng Bình, Phú Thọ, Hưng Yên, Hà Tĩnh, Phú Yên, Thái Bình, Sơn La, Ninh Thuận; UBND Sóc Trăng, UBND Phú Thọ, Đ/c Đinh Trung Tụng [↑](#footnote-ref-22)
23. TP Hồ Chí Minh, Hà Nam, Thái Bình [↑](#footnote-ref-23)
24. TP Hồ Chí Minh, Hà Nội; Trà Vinh; Yên Bái, Bà Rịa Vũng Tàu; Gia Lai; Tây Ninh; Bình Dương; Cần Thơ, An Giang, Phú Thọ, Thái Nguyên; Đà Nẵng, UBND Phú Thọ [↑](#footnote-ref-24)